

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1895/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Chương trình) với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC TIÊU

1. Thúc đẩy phát triển và ứng dụng có hiệu quả công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp, góp phần xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hoá lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh cao, đạt mức tăng trưởng hàng năm trên 3,5%; đảm bảo vững chắc an ninh lương thực, thực phẩm quốc gia cả trước mắt và lâu dài.

2. Đến năm 2015

- Bước đầu phát triển các công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và các công nghệ tiên tiến trong nông nghiệp để tạo ra và đưa vào sản xuất được 1 - 2 giống mới cho mỗi loại cây trồng nông lâm nghiệp, vật nuôi và thủy sản chủ yếu, có năng suất cao, chất lượng tốt, khả năng chống chịu vượt trội; 2 - 3 quy trình công nghệ tiên tiến trong từng

lĩnh vực; 2 - 3 loại chế phẩm sinh học; 2 - 3 loại thức ăn chăn nuôi; 1 - 2 bộ kit; 1 - 2 loại vắc-xin; 1 - 2 loại vật tư, máy móc, thiết bị mới phục vụ sản xuất nông nghiệp;

- Từng bước ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến để sản xuất một số sản phẩm nông nghiệp có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao và an toàn; đưa tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm khoảng 15% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp của cả nước;

- Hình thành và phát triển ít nhất 80 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các tỉnh vùng kinh tế trọng điểm; xây dựng 3 - 5 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại một số vùng sinh thái nông nghiệp và 1 - 2 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại mỗi tỉnh vùng kinh tế trọng điểm.

3. Giai đoạn 2016 - 2020

- Đẩy mạnh phát triển các công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và các công nghệ tiên tiến trong nông nghiệp để tạo ra và đưa vào sản xuất được 2 - 3 giống mới cho mỗi loại cây trồng nông lâm nghiệp, vật nuôi và thủy sản chủ yếu, có năng suất cao, chất lượng tốt, khả năng chống chịu vượt trội; 3 - 4 quy trình công nghệ tiên tiến trong từng lĩnh vực; 3 - 4 loại chế phẩm sinh học, 3 - 4 loại thức ăn chăn nuôi, 2 - 3 bộ kit, 2 - 3 loại vắc-xin, 2 - 3 loại vật tư, máy móc, thiết bị mới phục vụ sản xuất nông nghiệp;

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến để sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có năng suất cao, chất lượng tốt, an toàn và có sức cạnh tranh cao; đưa tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm khoảng 35% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp của cả nước;

- Hình thành và phát triển khoảng 200 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các tỉnh vùng kinh tế trọng điểm; xây dựng thêm 1 - 2 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại mỗi vùng sinh thái nông nghiệp và 2 - 3 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại mỗi tỉnh vùng kinh tế trọng điểm.

II. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Tạo và phát triển công nghệ cao trong nông nghiệp

Triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, tạo và phát triển các công nghệ cao trong nông nghiệp thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và các công nghệ tiên tiến để sản xuất các sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, bao gồm:

a) Công nghệ trong chọn tạo, nhân giống cây trồng, giống vật nuôi và giống thủy sản cho năng suất, chất lượng cao

- Về cây trồng nông, lâm nghiệp: Tập trung nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sử dụng ưu thế lai, công nghệ đột biến thực nghiệm và công nghệ sinh học để tạo ra các giống cây trồng mới có các đặc tính nông học ưu việt (năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu sâu bệnh và điều kiện bất thuận), phù hợp với yêu cầu của thị trường; công nghệ nhân giống để đáp ứng nhu cầu cây giống có chất lượng cao, sạch bệnh;

- Về giống vật nuôi: Nghiên cứu cải tiến công nghệ sinh sản, đặc biệt là công nghệ tế bào động vật trong đông lạnh tinh, phôi và cấy chuyển hợp tử, phân biệt giới tính, thụ tinh ống nghiệm, tập trung vào bò sữa, bò thịt; áp dụng phương pháp truyền thống kết hợp với công nghệ sinh học trong chọn tạo và nhân nhanh các giống vật nuôi mới có năng suất, chất lượng cao;

- Về giống thủy sản: Tập trung nghiên cứu kết hợp phương pháp truyền thống với công nghệ di truyền để chọn tạo một số giống loài thủy sản sạch bệnh, có tốc độ sinh trưởng nhanh và sức chống chịu cao; phát triển công nghệ tiên tiến sản xuất con giống có chất lượng cao đối với các đối tượng nuôi chủ lực.

b) Công nghệ trong phòng, trừ dịch hại cây trồng, vật nuôi và thủy sản

- Đối với cây trồng nông lâm nghiệp: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ vi sinh, công nghệ enzym và protein để tạo ra các quy trình sản xuất quy mô công nghiệp các chế phẩm sinh học dùng trong bảo vệ cây trồng; nghiên cứu phát triển các kit để chẩn đoán, giám định bệnh cây trồng; nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ viễn thám trong quản lý và phòng trừ dịch sâu, bệnh hại cây trồng nông lâm nghiệp;

- Đối với vật nuôi: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học để chẩn đoán bệnh ở mức độ phân tử; nghiên cứu công nghệ sản xuất kit để chẩn đoán nhanh bệnh đối với vật nuôi; nghiên cứu sản xuất vắc-xin thú y, đặc biệt là vắc-xin phòng, chống bệnh cúm gia cầm, bệnh lở mồm, long móng, tai xanh ở gia súc và các bệnh nguy hiểm khác;

- Đối với thủy sản: Nghiên cứu sản xuất một số loại kit để chẩn đoán nhanh bệnh ở thủy sản; nghiên cứu ứng dụng sinh học phân tử và miễn dịch học, vi sinh vật học trong phòng, trị một số loại dịch bệnh nguy hiểm đối với thủy sản.

c) Công nghệ trong trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản đạt hiệu quả cao

- Về trồng trọt: Nghiên cứu phát triển quy trình công nghệ tổng hợp và tự động hoá quá trình trồng trọt và thu hoạch các loại cây trồng trong nhà lưới, nhà kính, như: Giá thể, công nghệ thủy canh, tưới nước tiết kiệm, điều tiết tự động dinh dưỡng, ánh sáng, chăm sóc, thu hoạch; nghiên cứu phát triển quy trình công nghệ thâm canh và quản lý cây trồng tổng hợp (ICM); quy trình công nghệ sản xuất cây trồng an toàn theo VietGAP;

- Về trồng rừng: Nghiên cứu phát triển quy trình công nghệ tổng hợp trong trồng rừng thâm canh;

- Về chăn nuôi: Nghiên cứu phát triển quy trình công nghệ tổng hợp và tự động hoá quá trình chăn nuôi quy mô công nghiệp, có sử dụng hệ thống chuồng kín, hệ thống điều hoà nhiệt độ, độ ẩm phù hợp, hệ thống phân phối và định lượng thức ăn tại chuồng;

- Về nuôi trồng và khai thác thủy, hải sản: Nghiên cứu phát triển quy trình công nghệ nuôi thâm canh, nuôi siêu thâm canh, công nghệ xử lý môi trường trong nuôi trồng một số loài thủy sản chủ lực; công nghệ tiên tiến trong đánh bắt hải sản theo hướng hiệu quả và bền vững nguồn lợi.

d) Tạo ra các loại vật tư, máy móc, thiết bị mới sử dụng trong nông nghiệp

- Nghiên cứu tạo ra các loại vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, sau thu hoạch và chế biến đối với cây trồng nông, lâm nghiệp, đặc biệt là cây trồng trong nhà kính, nhà lưới, như: Phân bón chuyên dụng, giá thể, chế phẩm sinh học, chất điều hòa sinh trưởng, khung nhà lưới, lưới che phủ, hệ thống tưới, thiết bị chăm sóc, thu hoạch, hệ thống thông thoáng khí;

- Nghiên cứu tạo ra các loại vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ cho chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, như: thức ăn, chế phẩm sinh học; khung nhà, hệ thống chiếu sáng, hệ thống phân phối thức ăn, thu hoạch trong chăn nuôi; hệ thống điều khiển tự động trong sản xuất thức ăn chăn nuôi; hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn, hệ thống điều tiết nước tuần hoàn, hệ thống mương nổi, hệ thống ao nhân tạo trong nuôi trồng thủy sản.

đ) Công nghệ trong bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp:

- Đối với sản phẩm nông nghiệp: Nghiên cứu phát triển công nghệ chiếu xạ, công nghệ xử lý hơi nước nóng, công nghệ xử lý nước nóng, công nghệ sấy lạnh, sấy nhanh trong bảo quản nông sản; công nghệ sơ chế, bảo quản rau, hoa, quả tươi quy mô tập trung; công nghệ bao gói khí quyển kiểm soát; công nghệ bảo quản lạnh nhanh kết hợp với chất hấp thụ etylen để bảo quản rau,

hoa, quả tươi; công nghệ tạo màng trong bảo quản rau, quả, thịt, trứng; công nghệ lên men, công nghệ chế biến sâu, công nghệ sinh học và vi sinh sản xuất chế phẩm sinh học và các chất màu, chất phụ gia thiên nhiên trong bảo quản và chế biến nông sản;

- Đối với sản phẩm lâm nghiệp: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ tự động hoá nhằm tiết kiệm nguyên liệu, thời gian và nâng cao hiệu quả sử dụng gỗ; công nghệ biến tính gỗ, công nghệ sấy sinh thái, công nghệ ngâm, tẩm để bảo quản gỗ; công nghệ sinh học sản xuất chế phẩm bảo quản, chế phẩm chống mối, một thể hệ mới; công nghệ sản xuất các màng phủ thân thiện với môi trường;

- Đối với sản phẩm thủy sản: Nghiên cứu phát triển công nghệ bảo quản dài ngày sản phẩm thủy sản trên tàu khai thác xa bờ; công nghệ sinh học sản xuất các chất phụ gia trong chế biến thủy sản; công nghệ chế biến chuyên sâu các sản phẩm thủy sản có giá trị gia tăng cao.

e) Công nghệ trong lĩnh vực thủy lợi

- Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ dự báo, tích trữ và khai thác nguồn nước; công nghệ thu trữ nước để cung cấp nước ổn định, hiệu quả phục vụ đa mục tiêu; công nghệ thi công công trình thủy lợi; công nghệ lọc và cấp nước ngọt cho các vùng đất nhiễm mặn, ven biển, hải đảo; công nghệ xử lý nước thải và vệ sinh môi trường nông thôn;

- Nghiên cứu phát triển công nghệ tưới tiết kiệm nước cho cây trồng nông, lâm nghiệp; công nghệ vật liệu mới, giải pháp kết cấu mới, thiết bị mới phục vụ thi công công trình thủy lợi;

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tự động hoá, viễn thám và hệ thống thông tin địa lý phục vụ quản lý, điều hành công trình thủy lợi.

g) Nhập khẩu và làm chủ công nghệ cao trong nông nghiệp

Lựa chọn nhập một số công nghệ cao trong nông nghiệp mà trong nước chưa có; tiến hành nghiên cứu thử nghiệm, làm chủ và thích nghi công nghệ cao nhập từ nước ngoài vào điều kiện sinh thái và thực tế của nước ta, đặc biệt là công nghệ cao trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

2. Ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp

Triển khai các đề án, dự án ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu hoặc chuyển giao công nghệ, bao gồm các đề án, dự án có hoạt động triển khai thực nghiệm nhằm tạo ra sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; sản xuất thử nghiệm nhằm hoàn thiện công

nghe cao, sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở quy mô sản xuất nhỏ; xây dựng mô hình và đầu tư sản xuất sản phẩm để tạo ra các sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, có thể thay thế sản phẩm nhập khẩu, cụ thể:

a) Trong trồng trọt

- Sản xuất giống và ứng dụng rộng rãi các giống cây trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt và khả năng chống chịu cao, tập trung vào các đối tượng cây trồng chủ lực phục vụ cho an ninh lương thực, xuất khẩu và thay thế nhập khẩu; từng bước áp dụng trong sản xuất giống cây trồng biến đổi gen (ngô, đậu tương, bông);

- Sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, an toàn và hiệu quả cao áp dụng quy trình quản lý cây trồng tổng hợp (ICM), VietGAP, tập trung vào các loại cây lương thực, cây thực phẩm, cây ăn quả và cây công nghiệp chủ lực;

- Sản xuất rau an toàn, hoa cao cấp trong nhà lưới, nhà kính;

- Nhân giống và sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu quy mô tập trung;

- Sản xuất và ứng dụng các chế phẩm sinh học, các bộ kit chẩn đoán bệnh, các loại phân bón thế hệ mới trong trồng trọt và bảo vệ cây trồng nông nghiệp.

b) Trong chăn nuôi

- Sản xuất giống vật nuôi mới có năng suất, chất lượng cao, tập trung vào một số loại vật nuôi chủ lực, như: Bò, lợn, gia cầm;

- Chăn nuôi gia cầm, lợn, bò quy mô công nghiệp;

- Sản xuất và ứng dụng các chế phẩm sinh học, các loại thức ăn chăn nuôi, vắc-xin, bộ kit mới trong chăn nuôi và phòng trừ dịch bệnh.

c) Trong lâm nghiệp

- Nhân nhanh và sản xuất giống quy mô công nghiệp một số giống cây trồng lâm nghiệp mới, như: Keo lai, bạch đàn bằng công nghệ mô, hom;

- Trồng rừng kinh tế theo phương pháp thâm canh;

- Ứng dụng công nghệ viễn thám, hệ thống thông tin địa lý, hệ thống định vị toàn cầu trong quản lý và bảo vệ rừng.

d) Trong thủy sản

- Nhân nhanh và sản xuất giống thủy sản có năng suất, chất lượng cao, tập trung vào một số đối tượng thủy sản chủ yếu, như: Tôm sú, tôm thẻ chân trắng, các loại cá nước ngọt, cá biển có giá trị cao, nhuyễn thể hai mảnh vỏ;

- Nuôi thâm canh, siêu thâm canh, tự động kiểm soát và xử lý môi trường bằng các công nghệ tiên tiến (chemicalfloc, biofloc, lọc sinh học) trong nuôi trồng một số loài thủy sản, như: Cá, tôm;

- Sản xuất thức ăn, các loại thuốc phòng trị bệnh thủy sản, sản xuất các bộ kit chẩn đoán nhanh bệnh trên các đối tượng nuôi thủy sản;

- Ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý để quy hoạch, quản lý và khai thác nguồn lợi hải sản, các vùng nuôi trồng thủy sản.

đ) Trong thủy lợi

- Ứng dụng công nghệ tự động hóa, viễn thám và hệ thống thông tin địa lý để quản lý, khai thác và điều hành các công trình thủy lợi;

- Sản xuất vật liệu mới, thiết bị và thi công các công trình thủy lợi;

- Xây dựng và mở rộng mô hình ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm cho một số loại cây trồng nông, lâm nghiệp.

e) Trong chế biến, bảo quản

- Sản xuất và ứng dụng các chế phẩm sinh học, các chất phụ gia thiên nhiên, các chất màu để bảo quản và chế biến nông, lâm, thủy sản;

- Xây dựng và mở rộng mô hình bảo quản, chế biến sâu các sản phẩm nông sản;

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong bảo quản và chế biến gỗ; vật liệu và công nghệ nano để nâng cao độ bền cơ học, độ bền sinh học của gỗ rừng trồng mọc nhanh; sản xuất vật liệu mới dạng bio-composite từ gỗ và thực vật có sợi;

- Xây dựng và mở rộng mô hình bảo quản dài ngày sản phẩm thủy sản trên tàu cá; chế biến các sản phẩm thủy sản có giá trị gia tăng cao.

g) Trong cơ điện, tự động hóa, sản xuất vật tư, máy móc, thiết bị

- Ứng dụng các công nghệ tiên tiến, bao gồm công nghệ điều khiển tự động hóa cơ điện, điện tử trong sản xuất các loại vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy, hải sản;

- Xây dựng và phát triển các cơ sở tự động hoặc bán tự động trong trồng trọt (nhân giống và sản xuất rau, hoa), chăn nuôi (lợn, gà, bò), thủy sản (sản xuất giống và nuôi thâm canh cá, tôm).

3. Xây dựng và phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

a) Xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Đến năm 2015:

+ Triển khai các dự án, đề án quy hoạch tổng thể và quy hoạch chung khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các vùng sinh thái khác nhau;

+ Thành lập và đầu tư xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại một số vùng sinh thái nông nghiệp có lợi thế, như: Đồng bằng sông Hồng, duyên hải miền Trung và Tây Nguyên, Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long;

+ Triển khai một số dự án hỗ trợ trình diễn, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp tại các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được thành lập.

- Giai đoạn 2016 - 2020:

+ Tiếp tục thành lập và đầu tư xây dựng các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các vùng sinh thái nông nghiệp theo quy hoạch tổng thể được phê duyệt;

+ Đẩy mạnh triển khai các dự án hỗ trợ hoạt động nghiên cứu ứng dụng, trình diễn, đào tạo, sản xuất sản phẩm nông nghiệp tại các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

+ Triển khai các dự án hỗ trợ thúc đẩy thu hút nguồn đầu tư trong và ngoài nước vào khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

b) Hình thành và phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Đến năm 2015:

+ Triển khai các dự án, đề án quy hoạch tổng thể vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn cả nước và quy hoạch chung vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các địa phương;

+ Bước đầu hình thành một số vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại một số địa phương có lợi thế, trước mắt là các vùng sản xuất lúa thâm canh, lúa chất lượng (đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng), vùng sản xuất rau an toàn, hoa (đồng bằng sông Hồng, Tây Nguyên, Đông Nam bộ),

vùng trồng cây ăn quả: Cam quýt, nhãn, vải, bưởi, thanh long (đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, Trung du - miền núi phía Bắc), vùng trồng cây công nghiệp: Chè, cà phê, tiêu, điều (Trung du - miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Đông Nam bộ); vùng nuôi trồng thủy, hải sản (miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long).

- Giai đoạn 2016 - 2020:

+ Triển khai các nhiệm vụ trình diễn, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp và sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được công nhận hoặc trong quy hoạch được phê duyệt;

+ Đẩy mạnh hình thành và phát triển các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các địa phương; chú trọng các vùng sản xuất tập trung một hay một vài loại sản phẩm nông nghiệp hàng hóa có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao, mở rộng sang các vùng có các sản phẩm về chăn nuôi, lâm nghiệp.

c) Phát triển doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Đến năm 2015:

+ Hình thành và công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại một số tỉnh có lợi thế về một số lĩnh vực đã có công nghệ cao, như: Trồng hoa, trồng rau trong nhà lưới; sản xuất cây giống, con giống quy mô công nghiệp; chăn nuôi bò, lợn, gia cầm quy mô công nghiệp; nuôi thâm canh thủy sản; sản xuất phân bón, chế phẩm sinh học quy mô công nghiệp;

+ Triển khai các dự án thử nghiệm, trình diễn và ứng dụng các giống mới, các quy trình công nghệ tiên tiến để sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao, bảo đảm an toàn tại một số doanh nghiệp nông nghiệp và doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được công nhận.

- Giai đoạn 2016 - 2020:

+ Đẩy mạnh phát triển các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên tất cả các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp tại các tỉnh; từng bước mở rộng quy mô và hoạt động của các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khuyến khích phát triển các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các vùng và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

+ Đẩy mạnh triển khai các dự án hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm, trình diễn các công nghệ mới, công nghệ nhập và sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

III. CÁC GIẢI PHÁP

1. Nguồn vốn thực hiện Chương trình

Kinh phí thực hiện Chương trình được huy động từ các nguồn vốn:

a) Nguồn vốn ngân sách nhà nước

- Nguồn vốn sự nghiệp tập trung hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án tạo ra, phát triển và ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp; hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hoạt động thông tin, tuyên truyền; quản lý Chương trình;

- Nguồn vốn đầu tư phát triển hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

b) Nguồn vốn của doanh nghiệp, chủ yếu để thực hiện các nhiệm vụ sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật để đổi mới công nghệ, đào tạo đội ngũ cán bộ, nâng cao trình độ quản lý trong doanh nghiệp, áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến tại doanh nghiệp.

c) Các nguồn vốn khác theo quy định.

2. Phát triển thị trường, dịch vụ hỗ trợ hoạt động công nghệ cao trong nông nghiệp

a) Hình thành sàn giao dịch công nghệ cao trong nông nghiệp và phát triển các loại hình dịch vụ môi giới, tư vấn, đánh giá, đầu tư, pháp lý, tài chính, bảo hiểm, sở hữu trí tuệ và các dịch vụ khác nhằm thúc đẩy hoạt động công nghệ cao, tiêu thụ, sử dụng sản phẩm công nghệ cao trong nông nghiệp;

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu về công nghệ cao trong nông nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, sử dụng, trao đổi thông tin về công nghệ cao trong nông nghiệp; tổ chức, tham gia chợ, hội chợ, triển lãm công nghệ cao trong nông nghiệp quy mô quốc gia, quốc tế;

c) Tăng cường thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng và internet để cho mọi người dân có thể tiếp cận được các công nghệ cao, các kết quả ứng dụng công nghệ cao, các mô hình phát triển công nghệ cao và các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

3. Hợp tác quốc tế

a) Tổ chức và thực hiện các đề án, dự án hợp tác song phương và đa phương, đặc biệt là với các nước có nền nông nghiệp tiên tiến về nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ cao trong nông nghiệp;

b) Trao đổi chuyên gia, người làm công tác nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp của các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam với các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ cao nước ngoài;

c) Tạo điều kiện thuận lợi về mặt thủ tục pháp lý cho các tổ chức, cá nhân Việt Nam tham gia các chương trình, dự án hợp tác quốc tế, hội, hiệp hội quốc tế và tổ chức khác về phát triển và ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp.

4. Cơ chế, chính sách

a) Chính sách hỗ trợ hoạt động tạo ra công nghệ cao, phát triển và ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp

- Tổ chức, cá nhân nghiên cứu tạo ra công nghệ cao, phát triển và ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được hưởng mức ưu đãi, hỗ trợ cao nhất theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Luật công nghệ cao; Mục 1, 2 và 4 Phần III Điều 1 Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan;

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với hoạt động đầu tư trang thiết bị cho phòng thí nghiệm, cơ sở nghiên cứu phục vụ hoạt động phát triển công nghệ cao trong nông nghiệp theo các dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nhập khẩu một số công nghệ cao, máy móc, thiết bị công nghệ cao trong nông nghiệp trong nước chưa tạo ra được để thực hiện một số dự án ứng dụng và trình diễn công nghệ cao được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Khoản 2 Điều 19, Khoản 2 Điều 20 Luật công nghệ cao được hưởng chính sách hỗ trợ phát triển theo quy định của Nhà nước và các ưu đãi khác do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định theo thẩm quyền.

c) Chính sách hỗ trợ đối với khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được Nhà nước ưu đãi, hỗ trợ cao nhất theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 33 Luật công nghệ cao và các quy định pháp luật có liên quan;

- Doanh nghiệp hoạt động trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được hưởng các chính sách ưu đãi như đối với các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

d) Chính sách hỗ trợ đối với vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được hưởng mức ưu đãi cao nhất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với đất sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và xây dựng các cơ sở dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong vùng;

- Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được cấp có thẩm quyền công nhận, được hỗ trợ tối đa đến 70% kinh phí ngân sách nhà nước để xây dựng hạ tầng kỹ thuật (hệ thống giao thông, hệ thống thủy lợi tưới tiêu và xử lý chất thải) trong vùng theo các dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hưởng các ưu đãi khác do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định theo thẩm quyền.

đ) Chính sách thu hút, sử dụng nhân lực công nghệ cao trong nông nghiệp

Xây dựng và thực hiện chính sách đãi ngộ đặc biệt để thu hút, sử dụng nhân lực công nghệ cao trong nông nghiệp ở trong nước và nước ngoài thực hiện hoạt động phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 của Luật công nghệ cao và các quy định pháp luật có liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Chương trình;

- Hướng dẫn, kiểm tra và định kỳ tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình, báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan có liên quan xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình; xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình;

- Phối hợp thực hiện Chương trình với các chương trình thành phần khác thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Công Thương chủ trì thực hiện;

- Tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định sửa đổi, điều chỉnh bổ sung nội dung của Chương trình khi cần thiết.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc xây dựng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành có liên quan bố trí dự toán chi đầu tư thực hiện các nội dung của Chương trình, trình các cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành có liên quan bố trí dự toán chi thường xuyên thực hiện các nội dung của Chương trình, trình các cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

5. Các Bộ, ngành, địa phương

- Căn cứ vào nội dung Chương trình và chức năng, thẩm quyền được phân công, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện Chương trình;

- Tạo điều kiện thuận lợi về bố trí sử dụng đất đai để phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; thực hiện các cơ chế, chính sách ưu đãi cho việc triển khai các nhiệm vụ của Chương trình thành phần tại địa phương;

- Lồng ghép các nhiệm vụ của Chương trình với các nhiệm vụ phát triển của ngành, địa phương, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

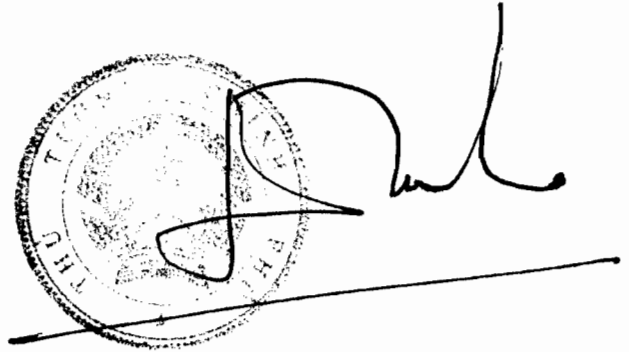
Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của QH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b).KN. 240

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng